TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỂU CẦN** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2021
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Thu Hiền
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Văn Bé
2. Bà Trang Thị Cẩm Nhuần
- *Thư ký phiên tòa*: Bà Đinh Thị Thanh Quyên – Thư ký Tòa án.

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2020/TLST- HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 về tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2021/QĐXX-ST ngày 18 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Ý Nh, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T (có mặt)

Bị đơn: Anh Nguyễn Phương D, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T (có mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1962; Địa chỉ: Ấp Tr, xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T (vắng mặt có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/11/2020, quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn chị Phạm Thị Ý Nh trình bày:

Vào ngày 21/12/2009 chị có xác lập quan hệ vợ chồng với anh Nguyễn Phương D và có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T. sau khi kết hôn

vợ chồng sống chung với nhau tại nhà cha chồng, khi về sống chung chị không được nắm quyền tài chính mà toàn bộ chi phí sinh hoạt trong nhà đều do cha chồng và anh D quản lý, mỗi khi cần tiền để mua đồ dùng sinh hoạt cá nhân chị đều phải xin tiền của anh D, ngoài ra anh D còn có tình cảm với người phụ nữ khác ở bên ngoài, chị đã cố gắng chịu đựng sống vì con, nhưng cho đến nay sức chịu đựng của chị không còn nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Phương D

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn D, sinh ngày 03/01/2011 và Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 16/12/2019 chị yêu cầu được nuôi dưỡng, yêu cầu anh D phải cấp dưỡng nuôi con một tháng bằng 2.000.000 đồng/02 con cho đến khi con đủ 18 tuổi

Về tài sản chung và nợ chung: không có

Tại bản tự khai ngày 23/11/2020 quá trình tố tụng và tại phiên tòa anh Nguyễn Phương D trình bày:

Vào ngày 21/12/2009 anh và chị Phạm Thị Ý Nh có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã Tân H, huyện Tiểu C, tỉnh T, sau khi kết hôn vợ chồng sống chung với nhau tại nhà cha ruột của anh, quá trình chung sống vợ chồng cũng có thường xuyên cự cải nhưng không lớn đến mức phải ly hôn, nguyên nhân vợ chồng thường xuyên cự cải là do chị Nh ghen bóng ghen gió, nay nếu chị Nh yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn D, sinh ngày 03/01/2011 và Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 16/12/2019, anh yêu cầu được nuôi dưỡng, anh không yêu cầu chị Nh phải cấp dưỡng nuôi con, nếu chị Nh nuôi dưỡng thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung : không có, nhưng vào khoảng tháng 8/2020 ông Nguyễn Văn Đ có đưa cho anh 22.000.000 đồng kêu anh đi mua xe gắn máy cho chị Nh để chị Nh đi chợ và đưa rước con đi học, sau đó vợ chồng anh có đi mua một xe gắn máy loại xe SIRIUS biển số 84 H1-445.49 do chị Nh dứng tên sỡ hữu. Nay anh không có tranh chấp gì đối với chiếc xe này, do xe này là tiền của ông Đ nên để ông Đ tự giải quyết với chị Nh.

Về nợ chung: không có

Tại bản tự khai ngày 25/12/2020 ông Nguyễn Văn Đ trình bày: do chị Nh không có xe đi chợ và đưa con đi học nên ông có đưa cho anh D 22.000.000 đồng dể mua cho chị Nh một xe gắn máy, sau đó hai vợ chồng chị Nh và anh D có đi mua một xe gắn máy hiệu YAMAHA loại SIRIUS biển số mấy thì ông không biết, xe này do chị Nh đứng tên

quyền sở hữu nay vợ chồng chị Nh và anh D ly hôn với nhau ông không có tranh chấp gì đối với chiếc xe này, ông đồng ý để cho chị Nh tiếp tục quản lý sử dụng.

Tại bản tự khai ngày 23/11/2020 cháu Nguyễn Phạm Tuấn D trình bày: Nếu cha mẹ ly hôn với nhau nguyện vọng của cháu là muốn được sống chung với mẹ

Các tài liệu chứng cứ tình tiết của vụ án:

- *Tài liệu do nguyên đơn cung cấp:* Giấy khai sinh của cháu Nguyễn Phạm Tuấn D và cháu Nguyễn Phạm Khải H (bản photo); Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn (bản pho to).

- *Tài liệu chứng cứ do bị đơn cung cấp*: Không có.

Những tình tiết các bên thống nhất:

Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Ý Nh và anh Nguyễn Phương D thống nhất thuận tình ly hôn

Về con chung: Chị Phạm Thị Ý Nh và anh Nguyễn Phương D thống nhất có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn D, sinh ngày 03/01/2011 và Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 16/12/2019.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị Ý Nh và anh Nguyễn Phương D thống nhất khai không có

Những tình tiết các bên không thống nhất:

Về con chung: chị Nh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/02 cháu/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Anh D yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung, không yêu cầu chị Nh cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp chị Nh nuôi dưỡng thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ hôn nhân*: Phạm Thị Ý Nh và anh Nguyễn Phương D có xác lập quan hệ hôn nhân và có đăng ký kết hôn với nhau theo quy định của pháp luật là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh D không cho chị quản lý mọi chi phí sinh hoạt trong gia đình, chị Nh ghen tuông vô cơ, nếu chị Nh yêu cầu ly hôn thì anh D cũng đồng ý, xét thấy đây là sự tự nguyện của chị Nh và anh D nên chấp nhận

[2]. *Về con chung*: có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn D, sinh ngày 03/01/2011 và Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 16/12/2019, chị Nh và anh D đều có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, tuy nhiên theo quy định tại điều 81 luật hôn nhân gia đình thì trường hợp vợ chồng ly hôn thì phải xem xét nguyện vọng của con trên 07 tuổi, con dưới 36 tháng tuổi thì phải trực tiếp giao cho mẹ nuôi dưỡng, Tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án bé Nguyễn Phạm Tuấn D đã trên 07 tuổi và bé có nguyện vọng muốn được sống chung với mẹ nên chị Phạm Thị Ý Nh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Phạm Tuấn D là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu Nguyễn Phạm Tuấn D, đối với cháu Nguyễn Phạm Khải H chưa đủ 36 tháng tuổi nên giao cho chị Ý Nh tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. *Về mức cấp dưỡng*: chị Phạm Thị Ý Nh yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi một cháu bằng 1.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, anh D không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Theo quy định tại khoản 2 điều 82 luật hôn nhân và gia đình quy định " Cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con" vì vậy buộc anh Dân phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định của pháp luật, quá trình tố tụng và tại phiên tòa chị Nh yêu cầu anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng/ 02 cháu, xét thấy với mức chị Nh yêu cầu là phù hợp với khả năng thực tế anh D và nhu cầu thiết yếu của con chung, bởi lẻ theo anh D trình bày thì ngoài việc làm vườn thì anh còn có bằng cấp thu y, hàng ngày thu nhập từ việc hành nghề thu ý trung bình mỗi một ngày là từ 200.000 - 300.000 đồng, nên buộc anh D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu là phù hợp.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung:* Chị Phạm Thị Ý Nh và anh Nguyễn Phương D thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

Đối với một xe gắn máy hiệu YAMAHA loại SIRIUS biển số 84 H1-445.49 do chị Phạm Thị Ý Nhi đứng tên quyền sở hữu, quá trình tố tụng chị Nh, anh D và ông Đ thống nhất tiếp tục giao cho chị Nh tiếp tục quản lý sở hữu và không tranh chấp gì đối với chiếc xe này nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Phạm Thị ý Nh phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, anh Nguyễn Phương D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 51; Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tóa án.

Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân*: Phạm Thị Ý Nh và anh Nguyễn Phương D thống nhất thuận tình ly hôn.

2. *Về con chung*: Chị Phạm Thị Ý Nh được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn D, sinh ngày 03/01/2011 và cháu Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 16/12/2019 là phù hợp với nguyện vọng muốn sống chung với mẹ của cháu D.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con.

3. Về mức cấp dưỡng: buộc anh Nguyễn Phương D phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Nguyễn Phạm Tuấn D, sinh ngày 03/01/2011 và Nguyễn Phạm Khải H, sinh ngày 16/12/2019 là 2.000.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị Phạm Thị ý Nh và anh Nguyễn Phương D thống nhất khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

4. *Về án phí*: Nguyên đơn chị Phạm Thị ý Nh phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0003546 ngày 18/11/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh Nguyễn Phương D phải chịu 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã Tân Hòa;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Thạch Thị Thu Hiền